

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 12 - 2020

V/v chị Th xin ly hôn anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng

2. Ông Vũ Đức Khang

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Công Trình - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th - Sinh năm 1970

Địa chỉ: Đội 16, xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm 1968

Địa chỉ: Đội 16, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt chị Th, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 06/10/2020 cũng như lời khai của chị Trần Thị Th trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H vào tháng 12/1989, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống hòa thuận đến năm 1997, sau đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H ham chơi thiếu quan tâm đến gia đình. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải

nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không được cải thiện. Từ năm 2010 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng và từ tháng 03/2015 đến nay thì chị và anh H sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn nên chị xin được ly hôn anh Nguyễn Văn H. Về con chung giữa chị và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là Nguyễn Văn Th sinh ngày 04/9/1990 và Nguyễn Quốc C sinh ngày 20/4/1995. Hiện nay cháu Th và cháu C đều đã trưởng thành, tự lập được nên chị không yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng các con chung. Về tài sản chung giữa chị và anh Nguyễn Văn H thì chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí, chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn H vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết anh H có lời khai trình bày đúng như lời khai của chị Trần Thị Th về quá trình kết hôn và sống chung giữa anh và chị Th. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị Th phát sinh từ năm 2010, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau. Từ tháng 3/2015 đến nay anh và chị Th sống ly thân nhau. Nay chị Th có đơn xin ly hôn anh thì anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Th không còn nên anh nhất trí. Về con chung giữa anh và chị Trần Thị Th có hai con chung là Nguyễn Văn Th sinh ngày 04/9/1990 và Nguyễn Quốc C sinh ngày 20/4/1995, hiện nay cháu Th và cháu C đều đã trưởng thành, tự lập được nên anh không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng các con chung. Về tài sản chung giữa anh và chị Trần Thị Th thì anh không yêu cầu giải quyết. Do điều kiện công việc bận anh không tham gia phiên tòa được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn H. Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị tuyên chị Th phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn H đều cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh N, nay chị Th có đơn xin ly hôn anh H và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H vắng mặt nhưng anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn H được tổ chức kết hôn vào tháng 12/1989, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, là hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị Th và anh H chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh H không được cải thiện. Từ tháng 3/2015 đến nay chị Th và anh H đã sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh H đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị Th xin được ly hôn anh H và phía anh H cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là Nguyễn Văn Th sinh ngày 04/9/1990 và Nguyễn Quốc C sinh ngày 20/4/1995. Hiện nay các con chung của chị Th và anh H đều đã trưởng thành, sống tự lập được và chị Th, anh H không yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng các con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của anh chị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Th phải nộp án phí dân dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn H.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm, chị Trần Thị Th phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2019/0001750 ngày 06/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Trần Thị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Th, vắng mặt anh H. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKS huyện N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

